

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH HÀ
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 06/4/2023

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH HÀ, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thành Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Bá S và ông Nguyễn Văn Hữu.

- Thư ký phiên toà: Bà Bạch Thị Hà, Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện VKSND huyện Thạch Hà tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tâm, Kiểm sát viên.

Vào hồi 09 giờ 45 phút, ngày 06 tháng 4 năm 2023, tại hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Thạch Hà mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 121/2022/TLST-HNGĐ, ngày 27/12/2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/HNGĐ-ST, ngày 13/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 27/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Tr.T.T, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn N.L, xã N.Đ, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Lao động tự do. (Có mặt)

- Bị đơn: Anh P.N.S, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn N.L, xã N.Đ, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Lao động tự do. (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện và các lời khai có tại hồ sơ vụ án và *tại phiên tòa* nguyên đơn chị Tr.T.T trình bày:**

- Về hôn nhân: Chị Tr.T.T kết hôn với anh P.N.S vào ngày 30/3/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Thạch Điền (nay là xã N.Đ), huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung cùng nhau được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã lẫn nhau và sống ly thân từ năm 2010 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng

không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được nên chị Tr.T.T làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh P.N.S.

- *Về con chung*: Vợ chồng có một con chung tên là P.H.Y; sinh ngày 09/3/2009. Hiện tại cháu Y đang là học sinh lớp 8 Trường trung học cơ sở xã N.Đ, huyện Thạch Hà. Sau khi vợ chồng ly hôn chị T cũng có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa chị T đồng ý giao cháu P.H.Y cho anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng kể từ khi ly hôn đến khi cháu Y trưởng thành.

- *Về tài sản chung*: Chị Tr.T.T cho rằng vợ chồng sống chung với nhau thời gian ngắn nên chưa tạo lập được tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần thông báo triệu tập anh S đến làm việc nhưng anh S đều không có mặt. Tòa án đã liên lạc với anh S qua số điện thoại 0799126xxx do gia đình cung cấp thì anh S cũng thừa nhận tình trạng hôn nhân mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, con chung như chị T trình bày là đúng. Tuy nhiên, anh không đồng ý ly hôn mà mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái. Nếu chị T nhất quyết ly hôn thì về con chung, anh S có nguyện vọng nuôi con chung là cháu P.H.Y và yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng kể từ khi ly hôn đến khi cháu Y trưởng thành. Về lý do anh S không chấp hành giấy triệu tập làm việc của Tòa án là do anh làm thuê ở Miền Nam, điều kiện kinh tế, đi lại khó khăn nên không thể có mặt tại Tòa án để làm việc. Hơn nữa, bản thân anh là người theo đạo Công giáo, theo luật giáo hội không cho phép việc ly hôn nên anh S sẽ không đến làm việc và ký bất cứ giấy tờ gì của Tòa án.

* Tòa án đã trực tiếp tại gia đình anh S, làm việc với ông P.X.V và bà H.T.N (là bố mẹ đẻ của anh S) được gia đình cho biết: Mâu thuẫn vợ chồng anh S, chị T phát sinh đã lâu, khi con mới được 18 tháng tuổi; hai người đã sống ly thân nhiều năm và có cuộc sống riêng; bản thân anh S đã biết việc Tòa án thụ lý vụ việc ly hôn theo yêu cầu của chị T, đã được gia đình thông tin về các tài liệu, thông báo làm việc của Tòa án gửi. Đồng thời, trao đổi qua điện thoại, anh S có thông báo cho gia đình biết về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng; ý kiến anh S về tình cảm mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái; vợ chồng có một con chung tên P.H.Y; sinh ngày 09/3/2009; hiện tại cháu đang là học sinh lớp 8 Trường trung học cơ sở N.Đ, huyện Thạch Hà. Từ nhỏ đến nay cháu Hải Y sống cùng bố và ông bà nội tại xã N.Đ; chi phí nuôi con do anh S cung cấp; về tài sản chung: anh S khẳng định vợ chồng mới sống chung nên không có tài sản chung. Tòa án đã giao trách nhiệm cho anh P.N.L (em trai cùng sống và làm việc với anh S tại miền Nam) giao thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng (giấy triệu tập, thông báo hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử) của Tòa án cho anh P.N.S và anh L đã cam kết thực hiện các yêu cầu của Tòa án.

* Kết quả xác minh tại UBND xã N.Đ, huyện Thạch Hà được đại diện chính quyền địa phương cho biết: Anh P.N.S và chị Tr.T.T là công dân có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã N.Đ, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Vợ chồng kết hôn năm 2009

trên tinh thần tự nguyện, hợp pháp và có đăng ký tại xã Thạch Điền (nay là xã N.Đ) theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung được một thời gian và có con chung tên là P.H.Y; sinh năm 2009. Hiện tại vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân nhiều năm, anh S vào miền Nam sinh sống, thỉnh thoảng mới về địa phương. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng thì địa phương không nắm được vì vợ chồng không thông báo với chính quyền địa phương. Hiện tại chị T làm đơn yêu cầu giải quyết ly hôn; quá trình giải quyết chính quyền địa phương đã phối hợp với Toà án để giao các văn bản tố tụng, giấy triệu tập cho gia đình anh S nhưng gia đình từ chối nhận vì gia đình là người theo đạo công giáo; bản thân anh S đã biết việc Toà án thụ lý, giải quyết ly hôn nhưng không hợp tác để giải quyết. Quan điểm của chính quyền địa phương là mong muốn Toà án hoà giải để hàn gắn quan hệ vợ chồng, nuôi dạy con cái trưởng thành. Tuy nhiên, trong trường hợp không thể hàn gắn thì đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật để hai bên ổn định cuộc sống.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Hà tham gia phiên tòa:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa hôm nay: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại các Điều 48, 49, 51 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, trình tự thủ tục thu thập chứng cứ đúng pháp luật. Nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ kịp thời các tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án; có bản tự khai thể thiện đầy đủ ý kiến của mình về các vấn đề liên quan của vụ án. Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án nhưng đã biết được các nội dung liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; tại liệu ghi âm cuộc gọi cho thấy anh S đã biết được thông tin về Tòa án thụ lý vụ án, các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên đủ căn cứ xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: **khoản 1 Điều 53, Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117** Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; **khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 93, Điều 94, Điều 96, khoản 4 Điều 147, Điều 227** Bộ luật tố tụng dân sự 2015; **khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27** Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tr.T.T về việc ly hôn anh P.N.S.

+ Về quan hệ nuôi con chung: Giao con chung là cháu P.H.Y; sinh ngày 09/3/2009 cho anh P.N.S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Chị Tr.T.T tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng kể từ khi vợ chồng ly hôn đến lúc cháu P.H.Y trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai có quyền ngăn cấm, cản trở.

+ Về án phí: Nguyên đơn khởi kiện nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn; bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã N.Đ, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã có mặt và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập nhưng đã được thông tin đầy đủ về nội dung yêu cầu khởi kiện, được tiếp cận toàn bộ các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp; việc bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập không có lý do chính đáng nên phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định pháp luật. Tòa án mở phiên tòa xét xử lần thứ nhất vào ngày 27/3/2023 và phiên tòa lần thứ 2 vào ngày 06/4/2023 nhưng cả hai lần bị đơn đều vắng mặt không có lý do chính đáng. Do đó, đủ căn cứ xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Tr.T.T và anh P.N.S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai lừa dối, ép buộc, đảm bảo điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân của chị anh là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, thiếu sự quan tâm, chia sẻ, tin tưởng lẫn nhau và đã sống ly thân từ 2010 đến nay. Chị T kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh S để tạo lập cuộc sống mới. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập tổ chức hòa giải để các đương sự hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng bị đơn đều không có mặt; trao đổi qua điện thoại, anh S thể hiện ý kiến không đồng ý ly hôn nhưng không xuất phát từ mong muốn xây dựng hạnh phúc gia đình mà vì anh là người theo đạo công giáo nên theo luật giáo hội không được phép ly hôn. Mặt khác, bản thân anh S cũng không đưa ra được giải pháp gì để hàn gắn quan hệ vợ chồng, cũng như không hợp tác với Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương xã N.Đ cũng như gia đình anh S cũng khẳng định mâu thuẫn vợ chồng phát sinh đã lâu và sống ly thân nhau nhiều năm nên rất khó để hàn gắn, duy trì hạnh phúc lâu dài. Hội đồng xét xử thấy rằng điều kiện để xây dựng gia đình hạnh phúc phải xuất phát từ hai phía, nhưng thực tế mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã lâu và đã sống ly thân nhiều năm, mỗi người đều đã có cuộc sống riêng, việc làm, kinh tế độc lập, cơ hội hàn gắn để xây dựng hạnh phúc gia đình là không khả thi. Do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tr.T.T về việc xin ly hôn anh P.N.S là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] *Về quan hệ con chung*: Vợ chồng có một con chung tên là P.H.Y, sinh ngày 09/3/2009. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay cháu P.H.Y sống cùng ông bà nội và anh S tại Thôn N.L, xã N.Đ, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh. **Kinh** phí đảm bảo việc nuôi con do anh S cung cấp. Quá trình giải quyết vụ án anh S không trực tiếp đến Tòa án để thể hiện ý kiến về việc nuôi con nhưng trao đổi qua điện thoại anh S thể hiện ý kiến mong muốn tiếp tục nuôi con vì cháu Hải Y đã sống cùng bố và ông bà nội từ nhỏ; anh S yêu cầu chị Y phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi; bản thân cháu Hải Y cũng trình bày nguyện vọng được ở với anh S và ông bà nội. Tại phiên tòa chị T đồng ý theo ý kiến của anh S và nguyện vọng của cháu Hải Y. Đồng thời chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 **đồng từ khi vợ chồng ly hôn đến lúc cháu P.H.Y trưởng thành (18 tuổi)**. Xét ý kiến, nguyện vọng của các đương sự là phù hợp và đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho cháu Hải Y nên HĐXX chấp nhận.

[2.3] *Về quan hệ tài sản chung*: Vợ chồng đều thừa nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[3] *Về án phí*: Nguyên đơn khởi kiện nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, **điểm a** khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

[4] *Về quyền kháng cáo*: Chị Tr.T.T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh P.N.S vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, **Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117** Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 93, Điều 94, Điều 96, khoản 4 Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử:

1. Về hôn nhân: Chị Tr.T.T được ly hôn anh P.N.S.

2. Về con chung: Giao cháu P.H.Y, sinh ngày 09/3/2009 cho anh P.N.S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị Tr.T.T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm ngàn đồng*) kể

từ khi vợ chồng ly hôn đến lúc cháu P.H.Y trưởng thành (18 tuổi) và được quyền đi lại chăm sóc, thăm nom con chung, không ai được ngăn cản cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Tr.T.T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số 0009931, ngày 27/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Chị Tr.T.T còn phải nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. *Về quyền kháng cáo*: Chị Tr.T.T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh P.N.S vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
 - VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
 - VKSND huyện Thạch Hà;
 - Chi cục THADS huyện Thạch Hà;
 - UBND xã N.Đ, huyện Thạch Hà,
- (để xóa đăng ký)
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Nhân